

Số: 02/2025/QĐST-KDTM

Quảng Ninh, ngày 09 tháng 9 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Trung Bang và ông Nguyễn Quang Chính.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 157, khoản 1 Điều 158, Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 của Luật số: 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự về sửa đổi, bổ sung Điều 35;

Căn cứ vào các 280, 293, 298, 299, 303, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 357, 463, 465, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 100, Điều 103 của Luật Các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 03/2025/TLST-KDTM ngày 30 tháng 5 năm 2025.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ (B1).

Địa chỉ trụ sở: tháp B1, số A T, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1985, số CCCD: 022085007836, chức vụ: Giám đốc Phòng G - Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh M (văn bản ủy quyền số: 3828/QĐ-BIDV ngày 01/7/2024 và văn bản ủy quyền lại số: 764/QĐ-BIDV.MC ngày 03/7/2024).

- *Bị đơn*: ông Phạm Văn B, sinh năm 1964; số CCCD: 034064005678; nơi đăng ký thường trú: thôn L, xã H, tỉnh Hưng Yên; nơi ở hiện nay: thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về khoản vay: tính đến ngày 09 tháng 9 năm 2025 ông Phạm Văn B còn nợ Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền là: 1.717.781.389^d (một tỉ bảy trăm mười bảy triệu bảy trăm tám mươi một nghìn ba trăm tám mươi chín đồng), bao gồm nợ gốc: 1.499.680.582^d (một tỉ bốn trăm chín mươi chín triệu sáu trăm tám mươi nghìn năm trăm tám mươi hai đồng), nợ lãi trong hạn: 4.889.370^d (bốn triệu tám trăm tám mươi chín nghìn ba trăm bảy mươi đồng), nợ lãi quá hạn: 213.211.437^d (hai trăm mười ba triệu hai trăm mười một nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

2.2. Về phương án trả khoản vay: ông Phạm Văn B phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền gốc, lãi (tạm tính đến ngày 09/9/2025) là 1.717.781.389^d (một tỉ bảy trăm mười bảy triệu bảy trăm tám mươi một nghìn ba trăm tám mươi chín đồng) và toàn bộ lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2025 trong thời hạn 06 (sáu) tháng và được chia thành 02 (hai) kỳ trả nợ như sau:

- Kỳ thứ nhất: ngày 09/12/2025 ông Phạm Văn B phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền là 500.000.000^d (năm trăm triệu đồng).

- Kỳ thứ hai: ngày 09/3/2026 ông Phạm Văn B phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền còn nợ lại là 1.217.781.389^d (một tỉ hai trăm mười bảy triệu bảy trăm tám mươi một nghìn ba trăm tám mươi chín đồng) và tiền lãi phát sinh kể từ ngày 10/9/2025.

Kể từ ngày 10 tháng 9 năm 2025 cho đến khi thanh toán xong, ông Phạm Văn B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 01/2023/12558448/HĐTD ngày 29/8/2023 được ký kết giữa ông Phạm Văn B với Ngân hàng TMCP Đ, nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp: trường hợp bị đơn ông Phạm Văn B vi phạm bất kỳ một nghĩa vụ trả nợ hoặc cam kết nào theo phương án trả nợ như nêu trên, thì nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp của ông Phạm Văn B là: quyền sử dụng 215m² đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số: 219A; tờ bản đồ số: 85; địa chỉ: thôn T, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CY 522648; số vào sổ cấp giấy chứng nhận: CH00996 do Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 14/10/2021 mang tên ông Phạm Văn B (theo Hợp đồng thế chấp bất động sản số: 01/2021/12558448/HĐBĐ ngày 21 tháng 10 năm 2021, số công chứng: 1548, quyền số: 02/2021/TP/CC-SCC/HĐGD tại Văn phòng C).

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ, thì ông Phạm Văn B vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, đến khi trả hết nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 01/2023/12558448/HĐTD ngày 29/8/2023 được ký giữa ông Phạm Văn B với Ngân

hàng TMCP Đ. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp, nếu giá trị tài sản sau khi thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ vẫn còn thừa, thì Ngân hàng có trách nhiệm trả lại cho ông Phạm Văn B.

2.4. Về chi phí tố tụng: ông Phạm Văn B phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ số tiền: 8.300.000^d (tám triệu ba trăm nghìn đồng) số tiền trên Ngân hàng đã nộp tạm ứng, ông Phạm Văn B phải hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ.

Kể từ ngày Ngân hàng TMCP Đ có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mà ông Phạm Văn B không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả tiền thì phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.5. Về án phí: ông Phạm Văn B được miễn nộp án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Trả lại Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí là 30.500.000^d (ba mươi triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004686 ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Hà, tỉnh Quảng Ninh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND cùng cấp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đình Khoa